

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HSST
Ngày 25 - 3 -2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mộng Lành

2. Ông Nguyễn Đức Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý 74/2021/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXX – HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Huỳnh Thanh L**, sinh năm 1991 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 11T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nơi ở: Sống lang thang, không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Thanh G và bà Huỳnh Thị Quế T(chết); tiền sự: không. Tiền án: Ngày 14/6/2012 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 122/HSST ngày 14/6/2012, chấp hành xong hình phạt ngày 12/01/2015, nhưng chưa chấp hành xong phần án phí. Nhân thân: Ngày 24/9/2007 Tòa án phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 805/HSST ngày 24/9/2007. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2020; có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Duy H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Hẻm 68, thôn P, xã Đ, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/10/2020, Huỳnh Thanh L đi bộ đến trước nhà anh Lê Duy H, sinh năm: 1979, tại địa chỉ: Hẻm 68, thôn P, xã Đ, thành phố N thì phát hiện 01 xe máy hiệu Airblade, biển kiểm soát: 79N2-656... đang dựng trong sân nhà anh H. Quan sát trong nhà không có người trông giữ, L lén lút mở cổng rồi đi vào lấy trộm xe máy Airblade, biển kiểm soát: 79N2-656... dắt ra ngoài đầu hẻm cách nhà anh H khoảng 100 mét thì dừng lại để tìm người mua xe.

Khoảng 05 phút sau, anh H phát hiện bị mất xe nên đã mở thiết bị định vị gắn trên xe và đi tìm kiếm quanh khu vực thôn P, xã Đ thì thấy L cùng xe máy Airblade, biển kiểm soát: 79N2-656... dựng bên đường. Anh H đến hỏi L “Đây là xe máy của tao, sao mày lấy” thì L chối và nói “Xe này tôi mua lại, giờ tôi bán cho anh với giá 14.900.000 đồng”. Anh H liền lấy chìa khóa từ ra bấm nút mở khóa rồi điều khiển xe Airblade, biển kiểm soát: 79N2-656... chạy đến công an xã Đ trình báo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 460/KL-HĐĐGTS ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N kết luận xe máy HONDA - AIRNLADE biển kiểm soát: 79N2 – 656...có giá trị: 33.698.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS-NT ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Huỳnh Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Huỳnh Thanh L và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù từ 12 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về phần dân sự, bị hại không yêu cầu gì nên không xét; tuyên quyền kháng cáo và án phí theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện, tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ

Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Thanh L khai nhận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, nên vào lúc khoảng 19 giờ 30 ngày 04/10/2020, tại hẻm 68, thôn P, xã Đ, thành phố N, Huỳnh Thanh L đã lén lút trộm cắp một chiếc xe máy hiệu Airblade, biển kiểm soát: 79N2-656... của anh Lê Duy H có giá trị là 33.698.000 đồng. Sau khi lấy được xe thì bị phát hiện bắt giữ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 67/CT-VKSNT ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa chấp hành xong phần án phí, nên chưa được xóa án tích. Do vậy, lần phạm tội này, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Năm 2007, bị cáo bị Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 805/HSST ngày 24/9/2007.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội

phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản phạm tội đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Duy H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét về phần dân sự.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh L 01** (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Duy H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét về phần dân sự.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Chi cục THADS. TP. N;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng